

Số: 26/2024/QĐST-DS

Thanh Phú, ngày 06 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số:68/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Tuyết L, sinh năm: 1953; Địa chỉ: số nhà 44/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

- **Bị đơn:** Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1971; Địa chỉ: số nhà 51/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đặng Quốc B, sinh năm 1947; Địa chỉ: số nhà 25/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

2. Bà Đặng Kim T, sinh năm 1954; Địa chỉ: số nhà 31/1 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

3. Ông Đặng Quốc N, sinh năm 1955; Địa chỉ: số nhà 40/2 ấp H, xã A, huyện T, tỉnh B.

4. Ông Đặng Quốc K, sinh năm 1958; Địa chỉ: số nhà 58/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

5. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1961; Địa chỉ: số nhà 67/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

6. Bà Đặng Thị Kim L (Đặng Thị L), sinh năm 1962; Địa chỉ: số nhà 71/6 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

7. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1965; Địa chỉ: số nhà 68/5 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

8. Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1973; Địa chỉ: số nhà 29/2 ấp 4, thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

9. Đặng Thị N, sinh năm 2001; địa chỉ: 20/5 ấp TB, xã T, huyện T, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: bà Đặng Thị Tuyết L, ông Đặng Quốc T, bà Đặng Kim T, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn Đ thống nhất thỏa thuận chia thừa kế như sau:

2.1. Hủy Tờ “Di chúc” của bà Thái Thị T được lập ngày 01/12/2010 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh B số chứng thực 01/2010, quyển số 01/2003/TP/CC-SCT/DCTC.

2.2. Chia cho ông Đặng Quốc T được quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 5.714 m² (gồm các ký hiệu: 66 diện tích 2.713,8 m², 66A diện tích 1.500,1m², 66B diện tích 1.500,1m²) thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh B cùng tất cả các tài sản gắn liền với đất là cây trồng và vật kiến trúc khác (nếu có). Tổng giá trị phần di sản thừa kế nêu trên là 5.714 m² x 100.000 đồng/m² = 571.400.000 đồng. Trị giá suất thừa kế ông Đặng Quốc T quản lý và sử dụng là 4.114 m² x 100.000 đồng/m² = 411.400.000 đồng.

2.3. Chia cho ông Đặng Quốc T được quản lý và sử dụng diện tích 429,5 m² thuộc một phần thửa đất số 245, tờ bản đồ số 26 (gồm các ký hiệu: 245 diện tích 9,3 m², 245L diện tích 1,9m², 245M diện tích 4,2m², 245F diện tích 3,8m², 245K diện tích 131m², 245R diện tích 23,3m², 245G diện tích 17,7m², 245Q diện tích 8,6 m², 245N diện tích 3,8m², 245J diện tích 8,5m², 245E diện tích 7,8 m², 245C diện tích 24,7m², 245P diện tích 6,8m², 245H diện tích 84,1m², 245I diện tích 94m²) tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh B cùng tất cả các tài sản gắn liền với đất cây trồng (xoài, măng cầu ta, mít, mai vàng, trúc, tre, chuối, mận...nếu có) và vật kiến trúc: Nhà ở có kết cấu móng cột dầm bê tông cốt thép, mái lợp tol fibrôximăng, nền gạch tàu và bê tông không cốt thép không trần, hoàn thiện quét vôi, kích thước 13m×8,3m, Nhà sau: nền đất, mái tol fibrôximăng, cột gỗ, xây dựng năm 1977; ngang 4,7m; dài 3,2m; Chuồng bò: Mái tol fibrôximăng, nền đất, cột gỗ + bê tông ximăng: dài 4,2m, ngang 3,7m, tỷ lệ: 0%; Nhà vệ sinh: nền xi măng, mái tole fibrôximăng, chưa tô, ngang 1,7m; dài 1,6m và 01 mộ ốp gạch, 01 mộ xây gạch và tất cả công trình, vật kiến trúc khác (nếu có). Trị giá suất thừa kế ông T được hưởng là 1.159.650.000 đồng

2.4. Chia cho ông Đặng Văn H quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 109,6 m² gồm các ký hiệu: 245A diện tích 6,8m², 245B diện tích 22,2m², 245D diện tích 80,6m² thuộc một phần thửa 245 tờ bản đồ số 26 tọa lạc xã A, huyện T, tỉnh B cùng tất cả các tài sản gắn liền với đất: cây trồng (xoài, măng cầu ta, mít, mai vàng, trúc, tre, chuối, mận...nếu có) và công trình kiến trúc là nhà mồ có kết cấu móng cột găm bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic+láng xi măng, mái lợp tol fibrôximăng (trong đó có 02 mộ ốp gạch Ceramic) và tất cả công trình, vật kiến trúc khác (nếu có).

2.5. Ông Đặng Quốc T có nghĩa vụ giao cho bà Đặng Kim T số tiền 160.000.000 đồng (là số tiền tương đương với suất thừa kế các đồng thừa kế thống nhất để bà Đặng Kim T được hưởng là 1.600 m² trong phần di sản thừa kế có diện

tích 5,714 m² thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh B). Thời hạn giao tiền khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tất cả các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà, cây trồng, chuồng bò, vật kiến trúc,... các đương sự thống nhất không yêu cầu định giá. Các đương sự đồng ý kết quả đo đạc và kết quả định giá ngày 16/9/2022, Hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 245, tờ bản đồ số 26 xã A, huyện T, tỉnh B ngày 16/02/2024.

Ông Đặng Quốc B, ông Đặng Quốc K, bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim L (Đặng Thị L), ông Đặng Quốc N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo yêu cầu độc lập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Toà án nhưng tất cả vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị N không có tranh chấp và yêu cầu gì khác đồng thời có yêu cầu không tham gia tố tụng nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất được chia theo quy định pháp luật. (Có hoạ đồ kèm theo).

- Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí tố tụng là: 15.422.000 đồng do bà Đặng Thị Tuyết L chi tạm ứng. Do đó bà Đặng Thị Tuyết L phải chịu 3.854.000 đồng và đã quyết toán xong. Buộc bà Đặng Kim T có nghĩa vụ giao trả cho bà Đặng Thị Tuyết L số tiền 3.856.000 đồng; buộc ông Đặng Văn H có nghĩa vụ giao trả cho bà Đặng Thị Tuyết L số tiền 3.856.000 đồng; Buộc ông Đặng Quốc T có nghĩa vụ giao trả cho bà Đặng Thị Tuyết L số tiền 3.856.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Kim T và ông Đặng Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Ông Đặng Quốc T phải chịu án phí trên trị giá suất thừa kế được hưởng là: mục 2.2 + mục 2.3 = 1.571.050.000 đồng, được tính như sau: $\frac{1}{2} \times (36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.571.050.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})) = 29.565.750 \text{ đồng}$.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tơ